



CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM TRIẾT CHƯƠNG 1 2 3

triết (Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

CHƯƠNG 1

TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

Câu 1) Triết học ra đời vào thời gian nào?

a) Thế kỷ VIII đến thế kỷ VII TCN.

b) Thế kỷ VIII đến thế kỷ VI TCN

c) Thế kỷ VIII đến thế kỷ V TCN.

Câu 2) Nguồn gốc ra đời của triết học?

a) Nguồn gốc nhận thức và nguồn gốc xã hội.

b) Nguồn gốc nhận thức, nguồn gốc xã hội và nguồn gốc giai cấp.

c) Nguồn gốc tự nhiên, nguồn gốc xã hội và nguồn gốc tư duy.

Câu 3) Triết học có chức năng:

a) Thế giới khách quan.

b) Phương pháp luận.

c) Thế giới quan và phương pháp luận.

Câu 4) Trong xã hội có giai cấp, triết học:

a) Có tính giai cấp.

b) Không có tính giai cấp.

c) Chỉ triết học phương Tây mới có tính giai cấp.

d) Tùy từng học thuyết cụ thể.

Câu 5) Nội dung cơ bản của thế giới quan bao gồm:

a) Vũ trụ quan (triết học về giới tự nhiên).

b) Xã hội quan (triết học về xã hội).

c) Nhân sinh quan.

d) Cả a, b, c

Câu 6) Hạt nhân chủ yếu của thế giới quan là gì?

a) Các quan điểm xã hội – chính trị.

b) Các quan điểm triết học.

c) Các quan điểm mỹ học.

d) Cả a, b, c.

Câu 7) Triết học đóng vai trò là:

a) Toàn bộ thế giới quan

b) Toàn bộ thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận

c) Hạt nhân lý luận của thế giới quan

Câu 8) Vấn đề cơ bản trong một thế giới quan cũng là vấn đề cơ bản của triết học?

a) Đúng.

b) Sai.

Câu 9) Thế giới quan có ý nghĩa trên những phương diện nào?

a) Trên phương diện lý luận

b) Trên phương diện thực tiễn

c) Cả a và b

Câu 10) Thế giới quan khoa học dựa trên lập trường triết học nào?

a) Chủ nghĩa duy tâm chủ quan.

b) Chủ nghĩa duy tâm khác quan.

c) Chủ nghĩa duy vật.

Câu 11) Triết học bao gồm quan điểm chung nhất, những sự lý giải có luận chứng cho các câu hỏi chung của con người nên triết học bao gồm toàn bộ tri thức của nhân loại. Kết luận trên ứng với triết học thời kỳ nào ?

a) Triết học cổ đại.

b) Triết học Phục Hưng.

c) Triết học Trung cổ Tây Âu.

d) Triết học Mác – Lênin.

Câu 12) Vấn đề cơ bản của triết học là:

a) Quan hệ giữa tư duy với tồn tại và khả năng nhận thức của con người

b) Quan hệ giữa vật chất với ý thức, tinh thần với tự nhiên và con người có khả năng nhận thức được thế giới không?

c) Quan hệ giữa vật chất với ý thức; tinh thần với tự nhiên; tư duy với tồn tại và con người có khả năng nhận thức được thế giới không?

Câu 13) Vật chất có trước, ý thức có sau, vật chất quyết định ý thức là quan điểm của:

a) Duy vật

b) Duy tâm

c) Nhị nguyên

Câu 14) Ý thức có trước, vật chất có sau, ý thức quyết định ý vật chất là quan điểm của:

a) Duy vật

b) Duy tâm

c) Nhị nguyên

Câu 15) Vật chất và ý thức tồn tại độc lập, chúng không nằm trong quan hệ sản sinh, cũng không nằm trong quan hệ quyết định nhau, đây là quan điểm:

a) Duy vật

b) Duy tâm

c) Nhị nguyên

Câu 16) Chủ nghĩa duy vật chất phác trong khi thừa nhận tính thứ nhất của vật chất đã:

a) Đồng nhất vật chất với nguyên tử và khối lượng

b) Đồng nhất vật chất với một hoặc một số chất cụ thể của vật chất

c) Đồng nhất vật chất với vật thể

Câu 17) Khi cho rằng: “ tồn tại là được tri giác”, đây là quan điểm:

a) Duy tâm chủ quan

b) Duy tâm khách quan

c) Nhị nguyên

Câu 18) Nguồn gốc của chủ nghĩa duy tâm?

a) Do hạn chế của nhận thức con người về thế giới.

b) Sự phân chia giai cấp và sự tách rời đối lập giữa lao động trí óc và lao động chân tay trong xã hội có giai cấp đối kháng

c) Cả a và b

Câu 19) Quan điểm của CNDV về mặt thứ nhất của vấn đề cơ bản của triết học?

a) Vật chất có trước, ý thức có sau, vật chất quyết định ý thức.

b) Ý thức có trước, sinh ra và quyết định vật chất.

c) Không thể xác định vật chất và ý thức cái nào có trước cái nào, cái nào sinh ra cái nào và quyết định cái nào.

d) Vật chất và ý thức cùng xuất hiện đồng thời và có sự tác động qua lại ngang nhau.

*Câu 20) Quan điểm của CNDV về **mặt thứ hai** của vấn đề cơ bản của triết học?*

a) Cuộc sống con người sẽ đi về đâu?

b) Con người có khả năng nhận thức được thế giới không?

c) Con người hoàn toàn có khả năng nhận thức được thế giới.

d) Cả ba đáp án trên.

Câu 21) Theo quan điểm duy vật biện chứng, mọi sự vật, hiện tượng của thế giới đều:

a) Tồn tại trong sự tách rời tuyệt đối.

b) Tồn tại trong mối liên hệ phổ biến.

c) Không ngừng biến đổi, phát triển.

d) Cả b và c

Câu 22) Khi thừa nhận trong những trường hợp cần thiết thì bên cạnh cái “ hoặc là... hoặc là...” còn có cả cái “ vừa là.. vừa là...” nữa; thừa nhận một chỉnh thể trong lúc vừa là nó vừa không phải là nó; thừa nhận cái khẳng định và cái phủ định vừa loại trừ nhau vừa gắn bó với nhau, đây là:

a) Phương pháp siêu hình **b) Phương pháp biện chứng** c) Thuyết không thể biết

Câu 23) Trong lịch sử, chủ nghĩa duy tâm có hình thức cơ bản nào?

a) Chủ nghĩa hoài nghi và thuyết bất khả tri

b) Chủ nghĩa tâm chủ quan và chủ nghĩa duy tâm khách quan.

c) Chủ nghĩa duy linh và thần học.

d) Chủ nghĩa thực chứng và chủ nghĩa thực dụng.

*Câu 24) Khuynh hướng triết học nào mà sự tồn tại, phát triển của nó có nguồn gốc từ sự phát triển của **khoa học và thực tiễn**, đồng thời thường gắn với lợi ích của giai cấp và lực lượng tiến bộ trong lịch sử, vừa định hướng cho các lực lượng xã hội tiến bộ hoạt động trên nền tảng của những thành tựu ấy?*

a) Chủ nghĩa duy vật.

b) Chủ nghĩa thực chứng.

c) Chủ nghĩa duy lý trí.

d) Chủ nghĩa duy tâm vật lý học.

Câu 25) Sự khẳng định: mọi sự vật, hiện tượng chỉ là “phức hợp những cảm giác” của cá nhân là quan điểm của trường phái triết học nào?

a) Chủ nghĩa duy tâm chủ quan.

b) Chủ nghĩa duy lý trí

c) Chủ nghĩa duy vật duy cảm.

d) Cả ba đáp án trên

*Câu 26) Thế giới như một **cỗ máy cơ giới khổng lồ** mà mỗi bộ phận tạo nên nó luôn ở trong trạng thái biệt lập, tĩnh tại; nếu có biến đổi thì đó chỉ là sự tăng, giảm đơn thuần về lượng và do những nguyên nhân bên ngoài gây nên, là quan niệm của khuynh hướng triết học nào?*

a) Chủ nghĩa duy vật duy lý.

b) Chủ nghĩa duy vật duy cảm

c) Chủ nghĩa duy vật biện chứng

d) Chủ nghĩa duy vật siêu hình.

Câu 27) Có mấy hình thức cơ bản của phép biện chứng?

a) 2

b) 3

c) 4

d) 5

*Câu 28) Những đặc điểm của phép biện chứng **cổ đại**?*

- a) Là hình thức sơ khai nhất của phép biện chứng
- b) Các nguyên lý quy luật của phép biện chứng cổ đại thường được thể hiện dưới hình thức manh nha trên cơ sở những quan sát, cảm nhận thông thường mà chưa được khái quát thành một hệ thống lý luận chặt chẽ
- c) Phép biện chứng cổ đại đã phác họa được bức tranh thống nhất của thế giới trong mối liên hệ phổ biến trong sự vận động và phát triển không ngừng

d) Cả a,b,c

Câu 29) Những đại diện tiêu biểu của phép biện chứng cổ đại?

- a) Thuyết âm dương ngũ hành
- b) Đạo Phật
- c) Hêraclit

d) Cả a b c

Câu 30) Phép biện chứng cổ đại là:

- a) Biện chứng duy tâm.
- b) Biện chứng ngây thơ, chất phác.**
- c) Biện chứng duy vật khoa học.
- d) Biện chứng chủ quan.

Câu 31) Đặc điểm chủ yếu của phép biện chứng trong triết học Hy Lạp là:

- a) Tính chất duy tâm.
- b) Tính chất duy vật, chưa triệt để.
- c) Tính chất tự phát, mộc mạc, ngây thơ**
- d) Tính chất khoa học.

Câu 32) Phép biện chứng của triết học Hêghen là:

- a) Phép biện chứng duy tâm chủ quan.
- b) Phép biện chứng duy vật hiện đại.
- c) Phép biện chứng ngây thơ chất phác.

d) Phép biện chứng duy tâm khách quan.

Câu 33) Phép biện chứng nào cho rằng biện chứng ý niệm sinh ra biện chứng của sự vật?

- a) Phép biện chứng thời kỳ cổ đại.
- b) Phép biện chứng của các nhà tư tưởng xã hội dân chủ Nga.
- c) Phép biện chứng duy vật.

d) Phép biện chứng duy tâm khách quan

Câu 34) Tại sao C.Mác nói phép biện chứng của G.W.Ph.Hêghen là phép biện chứng lộn đầu xuống đất?

- a) Thừa nhận sự tồn tại khách quan của thế giới vật chất.
- b) Thừa nhận tinh thần là sản phẩm của thế giới vật chất.
- c) Thừa nhận sự tồn tại độc lập của tinh thần.

d) Thừa nhận tự nhiên, xã hội là sản phẩm của quá trình phát triển của tinh thần, của ý niệm.

Câu 35) Chọn câu trả lời đúng nhất theo quan điểm duy vật biện chứng: Mọi sự vật, hiện tượng của thế giới đều:

- a) Tồn tại trong sự tách rời tuyệt đối.
- b) Tồn tại trong mối liên hệ phổ biến.
- c) Không ngừng biến đổi, phát triển.

d) Cả b và c

Câu 36) Thế nào là phép biện chứng duy vật?

- a) Là phép biện chứng được xác lập trên lập trường của chủ nghĩa duy vật
- b) Là phép biện chứng của ý niệm tương đối
- c) Là phép biện chứng do C.Mac và Ph. Angghen sáng lập

d) Cả a và c

Câu 37) Đặc điểm của phép biện chứng duy vật?

- a) Là hình thức phát triển cao nhất của lịch sử phép biện chứng
- b) Có sự thống nhất chặt chẽ giữa phép biện chứng và chủ nghĩa duy vật
- c) Phép biện chứng duy vật bao quát một lĩnh vực tri thức rộng lớn, nó vừa có tư cách lý luận triết học bao quát, vừa đóng vai trò phương pháp luận triết học cơ bản.

d) Cả a b c

Câu 38) Đâu là biện chứng với tính cách là khoa học trong số các quan niệm, các hệ thống lý luận dưới đây?

- a) Những quan niệm biện chứng ở thời kỳ cổ đại.
- b) Những quan niệm biện chứng của các nhà duy vật thế kỷ XVII-XVIII.
- c) Những quan niệm biện chứng của các nhà khoa học tự nhiên thế kỷ XVII-XVIII.

d) Phép biện chứng duy vật.

Câu 39) Thế nào là phép biện chứng duy tâm?

- a) Là phép biện chứng được xác lập trên lập trường của chủ nghĩa duy tâm
- b) Là phép biện chứng của vật chất
- c) Là phép biện chứng giải thích về nguồn gốc của sự vận động, biến đổi và ý niệm

d) Cả a và c

đúng.

Câu 40) Đóng góp và hạn chế của phép biện chứng duy tâm cổ điển Đức?

- a) Phép biện chứng duy tâm cổ điển Đức là một hệ thống logic khá vững chắc. Hầu như các nguyên lý quy luật cơ bản của phép biện chứng với tư cách là học thuyết về mối liên hệ phổ biến về sự vận động và phát triển đã được xây dựng trong một hệ thống thống nhất.
- b) Các luận điểm nguyên lý quy luật của phép biện chứng đã được luận giải ở tầm logic nội tại cực kì sâu sắc
- c) Phép biện chứng duy tâm cổ điển Đức là một trong các tiền đề lý luận cho sự ra đời của triết học Mác.

d) Cả a b c

Câu 41) Phương pháp biện chứng và phương pháp siêu hình khác nhau như thế nào?

- a) Phương pháp biện chứng xem xét, nghiên cứu các sự vật hiện tượng trong mối liên hệ phổ biến. Còn phương pháp siêu hình xem xét, nghiên cứu sự vật hiện tượng trong trạng thái cô lập tách rời
- b) Phương pháp biện chứng xem xét nghiên cứu sự vật hiện tượng trong sự vận động phát triển không ngừng. Phương pháp siêu hình xem xét nghiên cứu sự vật hiện tượng trong sự đứng im bất biến

c) Cả a và b

- d) Cả a và b đều sai

Câu 42) Phương pháp siêu hình thống trị triết học vào thời kì nào?

- a) Thế kỉ XV – XVI

b) Thế kỉ XVII – XVIII

c) Thế kỉ XVIII – XIX

d) Thế kỉ XIX – XX

*Câu 43) Chọn cụm từ đúng điền vào chỗ trống: “Phép siêu hình đẩy lùi được ...**phép biện chứng cổ đại**... nhưng chính nó lại bị phép biện chứng hiện đại phủ định”.*

a) Phép biện chứng duy tâm.

b) Phép biện chứng cổ đại.

c) Chủ nghĩa duy tâm.

d) Chủ nghĩa duy vật.

Câu 44) Ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác-Lênin?

a) Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Phép biện chứng duy vật; Chủ nghĩa duy vật lịch sử.

b) Thế giới quan; Nhân sinh quan; Phương pháp luận.

c) Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Phép biện chứng duy vật; Lý luận nhận thức

d) Triết học Mác - Lênin; Kinh tế - chính trị Mác -Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Câu 45) “Triết học Mác – Lênin là khoa học của mọi khoa học”.

a) Đúng.

b) Sai.

Câu 46) Triết học Mác - Lênin do ai sáng lập?

a) C. Mác và Ph. Ăngghen

b) C. Mác và V.I.Lênin

c) C. Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin

Câu 47) Triết học Mác ra đời một phần là kết quả kế thừa trực tiếp:

a) Thế giới quan duy vật của Hêghen và phép biện chứng của Phoiơbắc

b) Thế giới quan duy vật của Phoiơbắc và phép biện chứng của Hêghen

c) Thế giới quan duy vật và phép biện chứng của cả Hêghen và Phoiơbắc

Câu 48) Tiền đề lý luận cho sự ra đời của triết học Mác:

a) Triết học cổ điển Đức; Kinh tế chính trị Anh; Chủ nghĩa xã hội Không tưởng Pháp.

b) Phong trào khai sáng Pháp; Cơ học cổ điển I.Niu-ton; lý luận về chủ nghĩa vô chính phủ của Pru-đông.

c) Thuyết tương đối (A.Anh-xtanh); Phân tâm học (S.Phơ-rớt); Logic học của Hê-ghen.

d) Thuyết tiến hóa (S.Đác-uyn); Học thuyết bảo toàn và chuyển hóa năng lượng (R. Maye); Học thuyết tế bào (M. Sơ-lay-đen và T.Sa-van-sơ).

Câu 49) Đặc điểm chính trị của thế giới những năm cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX?

a) Toàn cầu hoá.

b) Chủ nghĩa tư bản chuyển thành chủ nghĩa Đế quốc và thường xuyên tiến hành những cuộc chiến tranh giành thuộc địa.

c) CNTB Tổ chức cuộc chiến tranh thế giới lần thứ II để phân chia thị trường thế giới.

d) Ba đáp án trên đều sai.

Câu 50) Đặc điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác giai đoạn 1841 – 1844:

a) Kế tục triết học Hê-ghen.

b) Phê phán các thành tựu triết học của nhân loại.

c) Sự chuyển biến về tư tưởng từ chủ nghĩa duy tâm và dân chủ cách mạng sang chủ nghĩa duy vật và cộng sản chủ nghĩa.

d) Phê phán tôn giáo.

Câu 51) Những cống hiến của V.I.Lênin đối với triết học Mác - Ăngghen?

- a) Phê phán, khắc phục và chống lại những quan điểm sai lầm xuất hiện trong thời đại đế quốc chủ nghĩa như: chủ nghĩa xét lại chủ nghĩa Mác; chủ nghĩa duy tâm vật lý học, bệnh ảo tưởng chủ nghĩa trong triết học, chủ nghĩa giáo điều...
- b) Hiện thực hóa lý luận chủ nghĩa Mác bằng sự thắng lợi của Cách mạng tháng 10 Nga.
- c) Bổ sung và hoàn chỉnh về mặt lý luận và thực tiễn những vấn đề như lý luận về cách mạng vô sản trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, lý luận về nhà nước chuyên chính vô sản, chính sách kinh tế mới...

d) Cả ba đáp án trên.

Câu 52) V.I.Lênin đã đưa ra quan điểm về việc xây dựng nền kinh tế thị trường trong thời kỳ quá độ lên CNXH trong lý luận nào?

- a) Học thuyết giai cấp và đấu tranh giai cấp
- b) **NEP**
- c) Lý thuyết về sự phân kỳ trong thời kỳ quá độ lên CNXH.
- d) Học thuyết về nhà nước và cách mạng.

Câu 53) Tác phẩm quan trọng và điển hình nhất của chủ nghĩa Mác trong giai đoạn 1848 – 1895?

- a) Chống Duy-rinh
- b) Biện chứng của tự nhiên

c) Bộ Tư bản

- d) Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước

*Câu 54) Tác phẩm nào được xem là văn kiện có tính chất **cương lĩnh đầu tiên** của chủ nghĩa Mác?*

a) Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản.

- b) Hệ tư tưởng Đức.
- c) Gia đình thân thánh.
- d) Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844.

Câu 55) Nội dung hoạt động nghiên cứu khoa học của C.Mác và Ph.Ăngghen ở giai đoạn 1844 – 1848?

- a) Tiếp tục hoàn thành các tác phẩm triết học nhằm phê phán tôn giáo.
- b) **Hình thành những nguyên lý triết học duy vật biện chứng, duy vật lịch sử và chủ nghĩa xã hội khoa học.**
- c) Nghiên cứu về vai trò của hoạt động thực tiễn đối với nhận thức.
- d) Hoàn thành bộ “Tư Bản”.

CHƯƠNG 2

CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG

I. VẬT CHẤT VÀ Ý THỨC

Câu 12. Trình bày quan điểm về vật chất và hạn chế của chủ nghĩa duy vật trước Mác về vật chất?

Điểm chung trong quan niệm của các nhà triết học duy vật thời kỳ cổ đại về vật chất là:

a) Đồng nhất vật chất với vật thể cụ thể cảm tính, với thuộc tính phổ biến của vật thể.

b) Đồng nhất vật chất với nguyên tử.

c) Đồng nhất vật chất với thực tại khách quan.

Tính đúng đắn trong quan niệm về vật chất của các nhà triết học duy vật thời kỳ cổ đại là:

a) Xuất phát từ thế giới vật chất, từ kinh nghiệm thực tiễn để khái quát quan niệm về vật chất.

b) Xuất phát từ tư duy.

c) Xuất phát từ ý thức.

d) Xuất phát từ ý muốn khách quan

Đỉnh cao của quan niệm duy vật cổ đại về phạm trù vật chất?

a) Lửa của Hê-ra-clít

b) Không khí của A-na-xi-men

c) Âm dương –ngũ hành của Âm dương gia.

d) Nguyên tử của Đề-mô-crít

Hạn chế của các nhà triết học cổ đại trong quan niệm về vật chất:

a) Đồng nhất vật chất với một số dạng vật thể cụ thể, cảm tính.

b) Vật chất là tất cả cái tồn tại khách quan.

c) Vật chất là cái có thể nhận thức được.

d) Vật chất tự thân vận động.

Câu 13. Phân tích điều kiện ra đời, nội dung và ý nghĩa định nghĩa vật chất của Lênin?

Lênin đã đưa ra định nghĩa khoa học về vật chất trong tác phẩm nào?

a) Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán

b) Thế nào là người bạn dân

c) Chủ nghĩa duy vật chiến đấu

d) Cả 3 tác phẩm trên

Khi khoa học tự nhiên phát hiện ra tia X, ra hiện tượng phóng xạ, ra điện tử là một thành phần cấu tạo nên nguyên tử. Theo V.I.Lênin điều đó chứng tỏ gì?

a) Vật chất không tồn tại thật sự

b) Vật chất tiêu tan mất.

c) Giới hạn hiểu biết trước đây của chúng ta về vật chất mất đi.

d) Vật chất có tồn tại thực sự nhưng không thể nhận thức được.

Những phát minh của vật lý học cận đại đã bác bỏ khuynh hướng triết học nào?

a) Duy vật chất phác.

b) Duy vật siêu hình.

c) Duy vật biện chứng

d) Duy vật chất phác và duy vật siêu hình.

Lênin đưa ra định nghĩa về vật chất : “Vật chất là một phạm trù triết học dùng để chỉ thực tại khách quan được đem lại cho con người trong ... , được ... của chúng ta chép lại,

chụp lại, phản ánh và tồn tại không lệ thuộc vào ...”. Hãy chọn từ điền vào chỗ trống để hoàn thiện nội dung của định nghĩa nêu trên:

- a) Ý thức
- b) Cảm giác**
- c) Nhận thức
- d) Tư tưởng

Khái niệm trung tâm (trung tâm định nghĩa) mà V.I.Lênin sử dụng để định nghĩa về vật chất là khái niệm nào?

- a) Phạm trù triết học.

b) Thực tại khách quan.

- c) Cảm giác
- d) Phản ánh.

Trong định nghĩa về vật chất của mình, V.I.Lênin cho thuộc tính chung nhất của vật chất là:

- a) Tự vận động.
- b) Cùng tồn tại.
- c) Luôn có khả năng phản ánh.

d) Tồn tại khách quan bên ngoài ý thức, không lệ thuộc vào cảm giác.

Thuộc tính cơ bản nhất của vật chất nhờ đó phân biệt vật chất với ý thức đã được V.I.Lênin xác định trong định nghĩa vật chất là thuộc tính:

- a) Tồn tại.

b) Tồn tại khách quan.

- c) Có thể nhận thức được.
- d) Tính đa dạng.

Xác định nội dung cơ bản trong định nghĩa của V.I.Lênin về vật chất:

- a) Thực tại khách quan.
- b) Thực tại khách quan tồn tại độc lập với cảm giác.

c) Thực tại khách quan – tồn tại độc lập với ý thức và khi tác động đến giác quan con người thì có thể sinh ra cảm giác.

- d) Tồn tại khách quan nhưng không thể nhận biết ra nó vì thực tại đó là một sự trừu tượng của tư duy.

Khi khẳng định “Thực tại khách quan được đem lại cho con người trong cảm giác”, “Tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác” thì có nghĩa là đã thừa nhận:

- 1) Vật chất là tính.....
- 2) Ý thức là tính.....
- 3) Vật chất là nguồn gốc của.....

Đáp án:

- 1) Thứ nhất
- 2) Thứ hai
- 3) Của cảm giác, của ý thức

Câu 14. Trình bày quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vận động, các hình thức vận động của vật chất?

Hạn chế trong quan niệm của các nhà triết học duy vật thời cận đại Tây Âu là ở chỗ?

a) Coi vận động của vật chất là vận động cơ giới.

- b) Coi vận động là thuộc tính vốn có của vật thể.

c) Coi vận động là phương thức tồn tại của vật chất.

d) Cả a, b, c.

Xác định mệnh đề đúng:

a) Vận động tồn tại trước rồi sinh ra vật chất.

b) Vật chất tồn tại rồi mới vận động phát triển.

c) Không có vận động ngoài vật chất, không có vật chất không vận động.

Khi nói vật chất tự thân vận động là muốn nói:

a) Do kết quả sự tác động lẫn nhau giữa các yếu tố, các bộ phận tạo nên sự vật.

b) Do nguyên nhân vốn có của vật chất.

c) Cả a và b

Hãy sắp xếp các hình thức vận động cơ bản của vật chất theo đúng trật tự phát triển các hình thức vận động của vật chất: a) Vận động vật lý, b) Vận động cơ học, c) Vận động sinh vật học, d) Vận động hóa học, e) Vận động xã hội.

a) a – b – c – d – e.

b) b – a – c – e – d.

c) a – d – b – c – e

d) b – a – d – c – e

Trong mối quan hệ giữa vận động và đứng im thì vận động là:

a) Tương đối.

b) Tuyệt đối.

c) Vĩnh viễn.

d) Tạm thời.

Trong mối quan hệ giữa vận động và đứng im thì đứng im là:

a) Tương đối.

b) Tuyệt đối.

c) Tạm thời

d) Cả a và c.

Hai mệnh đề “Vận động là thuộc tính cố hữu của vật chất” và “Vận động là phương thức tồn tại của vật chất” được hiểu là:

a) Vật chất tồn tại bằng cách vận động.

b) Vật chất biểu hiện sự tồn tại cụ thể, đa dạng thông qua vận động.

c) Không thể có vận động phi vật chất cũng như không thể có vật chất không vận động.

d) Cả a, b, c.

Theo Ăngghen, vật chất có mấy hình thức vận động cơ bản:

a) 2

b) 3

c) 4

d) 5

Theo Ăngghen, một trong những phương thức tồn tại cơ bản của vật chất là:

a) Phát triển

b) Chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác

c) Vận động

d) Phủ định

Theo Ăngghen, hình thức vận động nào nói lên sự thay đổi vị trí của vật thể trong không gian?

a) Vận động cơ giới

b) Vận động vật lý

c) Vận động hóa

d) Vận động sinh vật

Theo Ăngghen, hình thức vận động nào nói lên sự tương tác của các phân tử, các hạt cơ bản?

a) Vận động cơ giới

b) Vận động vật lý

c) Vận động hóa

d) Vận động sinh vật

Theo Ăngghen, hình thức vận động nào nói lên sự tương tác của các nguyên tử, các quá trình hóa hợp và phân giải?

a) Vận động cơ giới

b) Vận động vật lý

c) Vận động hóa

d) Vận động sinh vật

Theo Ăngghen, hình thức vận động nào nói lên sự trao đổi chất giữa cơ thể sống với môi trường?

a) Vận động cơ giới

b) Vận động vật lý

c) Vận động hóa

d) Vận động sinh vật

Theo Ăngghen, hình thức vận động đặc trưng của con người và xã hội loài người là hình thức?

a) Vận động cơ giới

b) Vận động vật lý

c) Vận động xã hội

d) Vận động sinh vật

Hình thức nào là hình thức vận động đa dạng, phức tạp nhất trong thế giới vật chất?

a) Xã hội.

b) Các phản ứng hạt nhân.

c) Sự tiến hóa các loài.

d) Cả ba đáp án trên.

Lựa chọn mệnh đề phát biểu đúng trong số các mệnh đề được liệt kê sau đây:

a) Các hình thức vận động của vật chất tồn tại độc lập với nhau.

b) Các hình thức vận động của vật chất có thể chuyển hóa lẫn nhau.

c) Giữa các hình thức vận động của vật chất có tồn tại hình thức vận động trung gian.

d) Cả b và c.

Lựa chọn mệnh đề đúng trong số các mệnh đề được liệt kê dưới đây:

a) Trong một sự vật có thể tồn tại nhiều hình thức vận động.

b) Mỗi sự vật thường được đặc trưng bởi một hình thức vận động cao nhất mà nó có.

c) Hình thức vận động cao hơn có thể bao hàm trong nó những hình thức vận động thấp hơn.

d) Cả a, b, c.

Câu 15. Đặc điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về không gian và thời gian. Vì sao nói không gian và thời gian là hình thức tồn tại của vật chất?

Chọn phương án trả lời đúng nhất về không gian và thời gian:

a) Không gian là hình thức tồn tại của vật chất, còn thời gian là phương thức tồn tại của vật chất.

b) Không gian là phương thức tồn tại của vật chất, còn thời gian là hình thức tồn tại của vật chất

c) Không gian và thời gian là những hình thức tồn tại cơ bản của vật chất.

d) Không gian và thời gian là những phương thức cơ bản của tồn tại vật chất.

Mọi dạng cụ thể của vật chất đều tồn tại ở một vị trí nhất định, có một quảng tính (chiều cao, chiều rộng, chiều dài) nhất định và tồn tại trong các mối tương quan nhất định (trước hay sau, trên hay dưới, bên phải hay bên trái, v.v...) với những dạng vật chất khác. Những hình thức tồn tại như vậy được gọi là gì?

a) Mối liên hệ

b) Không gian.

c) Thời gian

d) Vận động

Câu 16. Trình bày quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về tính thống nhất vật chất của thế giới?

Bản chất của thế giới là vật chất, thế giới thống nhất ở tính vật chất. Điều đó thể hiện ở chỗ:

a) Chỉ có một thế giới duy nhất là thế giới vật chất.

b) Tất cả mọi sự vật, hiện tượng của thế giới chỉ là những hình thức biểu hiện đa dạng của vật chất với những mối liên hệ vật chất và tuân theo quy luật khách quan.

c) Thế giới vật chất tồn tại vĩnh viễn, vô hạn và vô tận.

d) Thể hiện ở cả a, b, c.

Theo Ph. Ăngghen, tính thống nhất vật chất của thế giới được chứng minh bởi:

a) Thực tiễn lịch sử.

b) Thực tiễn cách mạng.

c) Sự phát triển lâu dài của khoa học.

d) Sự phát triển lâu dài và khó khăn của triết học và khoa học tự nhiên.

Xác định quan điểm duy vật biện chứng trong số luận điểm sau:

a) Thế giới thống nhất ở tính tồn tại của nó.

b) Thế giới thống nhất ở nguồn gốc tính thần.

c) Thế giới thống nhất ở tính vật chất.

d) Thế giới thống nhất ở sự suy nghĩ về nó như là cái thống nhất.

Việc thừa nhận hay không thừa nhận tính thống nhất của thế giới có phải là sự khác nhau căn bản giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm hay không?

a) Có.

b) Không

c) Khác

Câu 17. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về ý thức, nguồn gốc của ý thức?

Theo quan điểm của triết học Mác – Lê nin, thuộc tính phản ánh là thuộc tính:

a) Riêng có ở con người.

b) Chỉ có ở các cơ thể sống.

c) Chỉ có ở vật chất vô cơ.

d) Phổ biến ở mọi tổ chức vật chất.

Sự tiến hóa của các hình thức phản ánh của vật là:

a) Quá trình tiến hóa – phát triển của các dạng vật chất giới tự nhiên.

b) Quá trình tiến hóa – phát triển của các giống loài sinh vật.

c) Quá trình tiến hóa – phát triển của thế giới.

d) Cả a, b, c.

Theo quan điểm của triết học Mác – Lê nin, ý thức là:

a) Một dạng tồn tại của vật chất.

b) Dạng vật chất đặc biệt mà người ta không thể dùng giác quan trực tiếp để cảm nhận.

c) Sự phản ánh tinh thần của con người về thế giới.

d) Cả a, b, c.

Theo quan điểm của triết học Mác-Lênin, ý thức là thuộc tính của dạng vật chất nào?

a) Dạng vật chất đặc biệt của vật chất do tạo hóa ban tặng cho con người.

b) Tất cả các dạng tồn tại vật chất.

c) Dạng vật chất sống có tổ chức cao đó là bộ não con người

d) Dạng vật chất vô hình không xác định.

Khái quát nguồn của ý thức bao gồm:

a) Nguồn gốc tự nhiên và ngôn ngữ.

b) Nguồn gốc tự nhiên và xã hội.

c) Nguồn gốc lịch sử – xã hội và hoạt động của bộ não con người.

d) Cả b và c.

Quan điểm của triết học Mác-Lênin về nguồn gốc xã hội của ý thức:

a) Lao động tạo ra ngôn ngữ, ngôn ngữ tạo ra ý thức.

b) Lao động, cùng với lao động là ngôn ngữ là hai sức kích thích chủ yếu hình thành nên ý thức con người.

c) Lao động tạo ra ý thức của lao động, ngôn ngữ tạo ra ý thức có ngôn ngữ.

d) Lao động tạo ra kinh nghiệm, ngôn ngữ tạo ra tư duy.

Nhân tố cơ bản, trực tiếp tạo thành nguồn gốc xã hội của ý thức:

a) Lao động và ngôn ngữ.

b) Lao động trí óc và lao động chân tay.

c) Thực tiễn kinh tế và lao động.

d) Lao động và nghiên cứu khoa học.

Ngôn ngữ đóng vai trò là:

a) “Cái vỏ vật chất” của ý thức.

b) Nội dung của ý thức.

c) Nội dung trung tâm của ý thức.

d) Cả a, b, c.

Ngôn ngữ xuất hiện nhằm giải quyết nhu cầu gì cho con người trong quá trình lao động mang tính xã hội của họ?

a) Trao đổi thông tin.

b) Diễn đạt tư tưởng, suy nghĩ.

c) Lưu trữ tri thức.

d) Cả ba đáp án trên.

Chọn từ phù hợp điền vào câu sau cho đúng với quan điểm duy vật biện chứng: “Ý thức chẳng qua là.... được di chuyển vào bộ óc con người và được cải biến ở trong đó”.

a) Vật chất.

b) Cái vật chất.

c) Vật thể.

d) Thông tin.

Câu 18. Phân tích quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về bản chất và kết cấu của ý thức?

Quan điểm của triết học Mác-Lênin về bản chất của ý thức?

a) Bản chất của ý thức con người là sự sáng tạo.

b) Ý thức là sự phản ánh năng động, sáng tạo lại hiện thực theo nhu cầu của thực tiễn xã hội.

c) Ý thức mang bản chất trực giác.

d) Ý thức có bản chất là tư duy.

Ý thức:

a) Có thể sáng tạo ra thế giới khách quan.

b) Không thể sáng tạo ra thế giới khách quan.

c) Có thể sáng tạo ra thế giới khách quan thông qua thực tiễn.

d) Không có ý kiến đúng

Tác nhân nào khiến cho sự phản ánh ý thức có tính phức tạp, năng động và sáng tạo?

a) Sự tò mò.

b) Sự tưởng tượng.

c) Thực tiễn xã hội.

d) Sự giao tiếp.

Nếu tiếp cận kết cấu của ý thức theo các yếu tố cơ bản hợp thành, thì ý thức bao gồm những yếu tố nào?

a) Tri thức, tình cảm và ý chí.

b) Tự ý thức, tiềm thức, vô thức.

c) Lý tính, tâm linh, trực giác

d) Tò mò, tưởng tượng, suy lý.

Tri thức đóng vai trò là:

a) Nội dung cơ bản của ý thức.

b) Phương thức tồn tại của ý thức

c) Cả a và b

d) Không có ý kiến đúng.

Điền vào chỗ trống (.....) cụm từ thích hợp:

“Tri thức là là kết quả của con người về thế giới hiện thực, làm tái hiện những thuộc tính, những qui luật của thế giới ấy và diễn đạt chúng dưới những hình thức ngôn ngữ hoặc hệ thống ký hiệu khác”.

a) Sự trực giác.

b) Quá trình nhận thức.

c) Quá trình lao động.

d) Sự cảm giác.

Bản chất của ý thức là gì?

a) Ý thức là sự phản ánh hiện thực khách quan vào trong bộ óc con người một cách năng động, sáng tạo;

b) Ý thức là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan.

c) Ý thức là một hiện tượng xã hội và mang bản chất xã hội. Sự ra đời, tồn tại của ý thức chịu sự chi phối không chỉ các quy luật tự nhiên mà còn của các quy luật xã hội.

d) Cả a,b,c.

Câu 19. Phân tích quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức, từ đó rút ra ý nghĩa phương pháp luận?

Quan điểm nào là của Chủ nghĩa duy vật biện chứng?

a) Vật chất và ý thức là hai lĩnh vực riêng biệt không cái nào liên quan đến cái nào.

b) Ý thức có trước vật chất và quyết định vật chất.

c) Vật chất có trước ý thức và quyết định ý thức.

d) Vật chất và ý thức không cái nào quyết định cái nào.

Theo triết học Mác – Lênin, vai trò của ý thức đối với vật chất là gì?

a) Ý thức sinh ra vật chất

b) Ý thức và vật chất không có mối quan hệ với nhau

c) Ý thức có vai trò quyết định đối với vật chất

d) Ý thức có thể tác động trở lại vật chất thông qua hoạt động thực tiễn của con người

Mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức được thực hiện thông qua:

a) Sự suy nghĩ của con người.

b) Hoạt động thực tiễn

c) Hoạt động lý luận.

d) Cả a, b, c.

Theo quan điểm duy vật biện chứng, trong nhận thức và thực tiễn cần:

a) Phát huy tính năng động chủ quan.

b) Xuất phát từ thực tế khách quan.

c) Cả a và b

d) Không có phương án đúng.

Theo anh (chị) bệnh chủ quan, duy ý chí biểu hiện như thế nào?

a) Chỉ căn cứ vào kinh nghiệm lịch sử để định ra chiến lược và sách lược cách mạng.

b) Chỉ căn cứ vào quy luật khách quan để định ra chiến lược và sách lược cách mạng

c) Chỉ căn cứ vào kinh nghiệm của các nước khác để định ra chiến lược và sách lược cách mạng

d) Chỉ căn cứ vào mong muốn chủ quan để định ra chiến lược và sách lược cách mạng

Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định: Mọi chủ trương, đường lối của Đảng phải xuất phát từ thực tế, tôn trọng quy luật khách quan. Quan điểm này xuất phát từ:

a) Nguyên lý mối liên hệ phổ biến

b) Nguyên lý về sự phát triển

c) Mối quan hệ biện chứng vật chất quyết định ý thức

d) Mối quan hệ biện chứng cơ sở hạ tầng quyết định ý thức xã hội

Nguyên tắc xuất phát từ thực tế khách quan, tôn trọng quy luật khách quan, đồng thời phát huy tính năng động chủ quan đòi hỏi trong nhận thức và hoạt động thực tiễn cần tránh rơi vào.....

a) Giáo điều, kinh nghiệm

b) Trì trệ, thụ động và chủ quan duy ý chí

c) Chiết trung

d) Tất cả các đáp án đều sai

Trong nhận thức và hoạt động thực tiễn nếu tuyệt đối hóa vai trò của vật chất thì chủ thể sẽ mắc phải sai lầm nào?

a) Chủ quan duy ý chí

b) Ngụy biện

c) Giáo điều

d) Phiến diện

II. PHÉP BIỆN CHỨNG

A. Hai nguyên lý của phép biện chứng

Câu 20. Phân tích nội dung nguyên lý mối liên hệ phổ biến. Ý nghĩa phương pháp luận của nguyên lý?

Phép biện chứng duy vật bao gồm những nguyên lý, quy luật cơ bản nào?

a) 1 nguyên lý, 1 quy luật

b) 2 nguyên lý, 2 quy luật

c) 2 nguyên lý, 3 quy luật

d) 3 nguyên lý, 3 quy luật

“Phép biện chứng duy vật” bao gồm những nguyên lý cơ bản nào?

a) Nguyên lý về mối liên hệ .

b) Nguyên lý về tính hệ thống, cấu trúc

c) Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến và sự phát triển.

d) Nguyên lý về sự vận động và sự phát triển

Quan điểm duy tâm về mối liên hệ giữa các sự vật hiện tượng trong thế giới khách quan:

a) Là sự qui định, sự tác động và sự chuyển hóa lẫn nhau giữa các sự vật hiện tượng, hay giữa các mặt của một sự vật một hiện tượng trong thế giới khách quan.

b) Cơ sở của sự liên hệ, tác động qua lại giữa các sự vật hiện tượng là ở một ý thức tuyệt đối, tinh thần tuyệt đối nào đó. Cơ sở của sự liên hệ, tác động qua lại giữa các sự vật hiện tượng là ở ý chí, cảm giác chủ quan của cá nhân nào đó

c) Cơ sở của sự liên hệ, tác động qua lại giữa các sự vật hiện tượng là thượng đế.

d) Bao gồm a, b, c.

Theo quan điểm của triết học Mác – Lênin, mối liên hệ là:

a) Là khái niệm cơ bản của phép biện chứng được sử dụng để chỉ sự ràng buộc quy định lẫn nhau, đồng thời là sự tác động làm biến đổi lẫn nhau giữa các sự vật hiện tượng

bb) Là khái niệm của phép biện chứng dùng chỉ sự nương tựa vào nhau của các sự vật hiện tượng

c) Là khái niệm của phép biện chứng dùng chỉ sự quy định làm tiền đề cho nhau giữa các sự vật hiện tượng

d) Cả a b c

Tính khách quan của mối liên hệ?

a) Là mối liên hệ vốn có của thế giới các ý niệm

b) Là mối liên hệ vốn có của sự vật hiện tượng. Cơ sở của nó là tính thống nhất vật chất của thế giới.

c) Là mối liên hệ khách quan tồn tại bên ngoài ý thức của con người.

d) Cả b và c.

Theo phép biện chứng duy vật, mối liên hệ có ở đâu?

a) Trong tự nhiên b) Trong xã hội c) Trong tư duy d) Tất cả các đáp án đều đúng.

Đâu là nội dung nguyên lý của phép biện chứng duy vật về mối liên hệ phổ biến của các sự vật và hiện tượng?

a) Các sự vật và hiện tượng trong thế giới tồn tại tách rời nhau, giữa chúng không có sự phụ thuộc, ràng buộc lẫn nhau

b) Các sự vật có sự liên hệ tác động nhau nhưng không có sự chuyển hóa lẫn nhau

c) Sự vật khác nhau ở vẻ bề ngoài, do chủ quan con người quy định, bản chất sự vật không có gì khác nhau

d) Thế giới là một chỉnh thể bao gồm các sự vật, các quá trình tách biệt nhau, vừa có liên hệ qua lại, vừa thâm nhập và chuyển hóa lẫn nhau.

Đâu là quan niệm của phép biện chứng duy vật về cơ sở các mối liên hệ?

a) Cơ sở sự liên hệ tác động qua lại giữa các sự vật và hiện tượng ở ý thức, cảm giác con người

b) Cơ sở sự liên hệ, tác động qua lại giữa các sự vật là ở ý niệm về sự thống nhất thế giới

c) Cơ sở sự liên hệ giữa các sự vật là do các lực bên ngoài có tính chất ngẫu nhiên đối với các sự vật

d) Sự liên hệ qua lại giữa các sự vật, hiện tượng có cơ sở ở tính thống nhất vật chất của thế giới

Theo quan điểm của triết học Mác-Lênin thì cơ sở của mối liên hệ giữa các sự vật hiện tượng là:

a) Do sự qui định của con người nhằm để mô tả những sự gắn kết của các sự vật hiện tượng.

b) Tính thống nhất vật chất của thế giới.

c) Sự phản ánh của thế giới vật chất.

d) Không gian và thời gian.

Đâu là quan niệm của phép biện chứng duy vật về vai trò của các mối liên hệ đối với sự vận động và phát triển của các sự vật và hiện tượng?

a) Các mối liên hệ có vai trò khác nhau

b) Các mối liên hệ có vai trò như nhau

c) Các mối liên hệ có vai trò khác nhau tùy theo các điều kiện xác định

d) Các mối liên hệ luôn luôn có vai trò khác nhau

Từ nguyên lý về “mối liên hệ phổ biến” của “Phép biện chứng duy vật” chúng ta rút ra những nguyên tắc phương pháp luận nào cho hoạt động lý luận và thực tiễn?

a) Quan điểm phát triển.

b) Quan điểm lịch sử - cụ thể.

c) Quan điểm toàn diện.

d) Quan điểm toàn diện, lịch sử - cụ thể.

Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến theo quan điểm của triết học Mác-Lênin?

a) Là sự qui định, sự tác động và sự chuyển hóa lẫn nhau giữa các sự vật hiện tượng, hay giữa các mặt của một sự vật một hiện tượng trong thế giới khách quan.

b) Là những thuật ngữ do con người đặt ra nhằm liên hệ các sự vật hiện tượng trong thế giới với nhau.

c) Cả a và b đều đúng.

d) Bao gồm cả ba quan điểm trên.

Mối liên hệ chủ yếu giữa nước ta với các nước khác trong WTO là?

a) Kinh tế.

b) Chính trị-xã hội.

c) Văn hóa.

d) Bảo vệ môi trường.

Khi vận dụng quan điểm toàn diện của triết học Mác – Lênin, cần phải khắc phục quan điểm nào?

a) Phiến diện b) Chủ quan duy ý chí c) Thực tiễn d) Bảo thủ, trì trệ

Quan điểm nào sau đây khi xem xét sự vật hiện tượng chỉ thấy một mặt, một mối liên hệ ...mà không thấy nhiều mặt, nhiều mối liên hệ?

a) Phiến diện, siêu hình b) Chủ quan duy ý chí c) Thực tiễn d) Nguyên biện

Câu 21. Phân tích nội dung của nguyên lý về sự phát triển và rút ra ý nghĩa phương pháp luận của nguyên lý?

Quan điểm nào dưới đây là quan điểm siêu hình về sự phát triển?

a) Sự phát triển do thượng đế tạo nên.

b) Sự phát triển đi từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn

c) Sự phát triển đi theo đường thẳng tắp hoặc chỉ là sự lặp lại tuần hoàn.

d) Bao gồm a và c.

V.I.Lênin nói hai quan niệm cơ bản về sự phát triển: (1). "Sự phát triển coi như là giảm đi và tăng lên, như là lặp lại." (2). "Sự phát triển coi như là sự thống nhất của các mặt độc lập." Câu nói này của V.I.Lênin trong tác phẩm nào?

a) Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán

b) Bút kí triết học

c) Những người bạn dân là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ ra sao?

d) Về vai trò của chủ nghĩa duy vật chiến đấu.

Quan điểm duy tâm về nguồn gốc của sự phát triển của các sự vật hiện tượng trong thế giới:

a) Phát triển là sự tăng lên hay giảm đi về lượng, không có sự thay đổi về chất.

b) Do sự tác động của những thế lực siêu tự nhiên thần bí tôn giáo hoặc của ý thức nói chung

c) Cả a và b đều sai.

d) Bao gồm cả a và b.

Nguyên lý về sự phát triển theo quan điểm của triết học Mác-Lênin:

a) Là một trường hợp đặc biệt của sự vận động. Là một quá trình vận động biến đổi từ chất cũ sang chất mới. Là kết quả của một quá trình đấu tranh giữa các mặt đối lập bên trong các sự vật hiện tượng của thế giới hiện thực khách quan.

b) Phát triển là một quá trình tiến lên liên tục trơn tru, không có những bước quanh co phức tạp không có mâu thuẫn

c) Do sự tác động của những thế lực siêu tự nhiên thần bí tôn giáo hoặc của ý thức nói chung.

d) Bao gồm cả ba quan điểm trên.

Theo quan điểm của triết học Mác-Lênin, phát triển là:

a) Vận động

b) Khuynh hướng chung của sự vận động của sự vật, hiện tượng

c) Sự thay đổi về lượng trong quá trình vận động của vật chất

d) Sự thay đổi về chất trong quá trình vận động của vật chất

Theo quan điểm của triết học Mác-Lênin, sự khác biệt căn bản giữa sự vận động và sự phát triển là?

a) Sự vận động và sự phát triển là hai quá trình độc lập tách rời nhau.

b) Sự phát triển là một trường hợp đặc biệt của vận động, là một giai đoạn của sự vận động, sự phát triển là sự vận động tiến lên.

c) Sự vận động là nội dung, sự phát triển là hình thức.

d) Cả ba đáp án trên.

Theo quan điểm của triết học Mác-Lênin:

a) Phát triển của sự vật không có tính kế thừa

b) Phát triển của sự vật có tính kế thừa nhưng đó là sự kế thừa nguyên xi cái cũ

c) Phát triển của sự vật có tính kế thừa nhưng trên cơ sở phê phán, loại bỏ, cải tạo và phát triển.

d) Tất cả các câu đều sai

Bài học có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng nhất trong việc tìm hiểu nguyên lý về sự phát triển của triết học Mác-Lênin là:

a) Nguyên tắc nghiên cứu có trọng tâm.

b) Quan điểm toàn diện.

c) Quan điểm phát triển.

d) Nguyên tắc khách quan.

Quan điểm phát triển giúp chúng ta khắc phục được tư tưởng nào?

a) Nôn nóng, tả khuynh

b) Giáo điều, nguy biện

c) Phiến diện, siêu hình

c) Bảo thủ, trì trệ, định kiến

Khi vận dụng quan điểm phát triển của triết học Mác – Lênin, cần phải khắc phục quan điểm nào?

a) Phiến diện

b) Chiết trung

c) Nguy biện

d) Bảo thủ, trì trệ

3 quy luật của phép biện chứng

Câu 22. Phân tích nội dung quy luật từ những thay đổi về lượng dẫn đến thay đổi về chất và ngược lại. Ý nghĩa phương pháp luận của việc nghiên cứu quy luật này trong hoạt động thực tiễn?

Phép biện chứng nghiên cứu những quy luật cơ bản nào?

a) Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập.

b) Quy luật những thay đổi về lượng dẫn tới những thay đổi về chất và ngược lại.

c) Quy luật phủ định của phủ định.

d) Cả a,b,c.

Quy luật nào vạch ra phương thức của sự vận động, phát triển?

a) Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập

b) Quy luật chuyển hoá từ sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại

c) Quy luật phủ định của phủ định

d) Quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất.

“Chẳng chua cũng thể là chanh. Chẳng ngọt cũng thể cam sành chín cây”. Quan điểm này thuộc quy luật nào?

a) Lượng – chất b) Phủ định của phủ định c) Mâu thuẫn d) Không có đáp án đúng

“Trăng mờ còn tỏ hơn sao. Dầu rằng núi lở còn cao hơn đồi” ”. Quan điểm này thuộc quy luật nào?

a) Lượng – chất b) Phủ định của phủ định c) Mâu thuẫn d) Các đáp án đều sai

Điền vào chỗ trống cụm từ sao cho phù hợp: “Lượng là một phạm trù triết học dùng để chỉ.... vốn có của sự vật về mặt số lượng, qui mô, trình độ, nhịp điệu của sự vận động và phát triển cũng như các thuộc tính của sự vật”

a) Thuộc tính.

b) Tính qui định khách quan.

c) Môi quan hệ.

d) Tên gọi.

Những nhân tố nào thể hiện lượng của một sự vật?

a) Số lượng các yếu tố cấu thành.

b) Quy mô tồn tại.

c) Tốc độ vận động, phát triển.

d) Cả a,b,c.

Chất của sự vật được tạo nên từ...

a) Một thuộc tính.

b) Nhiều thuộc tính.

c) Thuộc tính cơ bản và không cơ bản.

d) Chỉ từ thuộc tính cơ bản.

Khái niệm nào dùng để chỉ tính quy định khách quan vốn có của các sự vật, là sự thống nhất hữu cơ giữa các thuộc tính làm cho sự vật là nó:

a) Chất

b) Lượng

c) Độ

d) Điểm nút

Mỗi sự vật trong điều kiện xác định:

a) Chỉ có một thuộc tính

b) Có một số thuộc tính

c) Có vô vàn thuộc tính

d) Có một số thuộc tính xác định

Xét trong mối liên hệ phổ biến và sự vận động, phát triển, mỗi sự vật:

a) Chỉ có một loại lượng và một loại chất

b) Có một loại lượng và nhiều loại chất

c) Có nhiều loại lượng và một loại chất

d) Có nhiều loại lượng và nhiều loại chất

Chất của sự vật được tạo nên từ:

a) Các thuộc tính cơ bản của sự vật

b) Thuộc tính không cơ bản của sự vật

c) Cả a và b

d) Thuộc tính bản chất của sự vật

Khái niệm nào dùng để chỉ tính quy định vốn có của sự vật, hiện tượng về mặt số lượng các yếu tố cấu thành, quy mô tồn tại của sự vật và tốc độ, nhịp điệu của sự vận động, phát triển của sự vật:

a) Chất

b) Lượng

c) Độ

d) Điểm nút

Khái niệm nào dùng để chỉ khoảng giới hạn trong đó sự thay đổi về lượng chưa làm thay đổi căn bản chất của sự vật ấy?

a) Chất

b) Lượng

c) Độ

d) Điểm nút

Khái niệm nào dùng để chỉ thời điểm mà tại đó sự thay đổi về lượng đã đủ là thay đổi căn bản chất của sự vật:

a) Chất

b) Lượng

c) Độ

d) Điểm nút

Khái niệm nào dùng để chỉ sự chuyển hóa về chất do sự biến đổi trước đó về lượng tới giới hạn điểm nút:

a) Chất

b) Lượng

c) Điểm nút

d) Bước nhảy

Mọi thay đổi về lượng đều:

a) Có khả năng dẫn đến thay đổi về chất

b) Ngay lập tức làm thay đổi về chất

c) Không thể ngay lập tức làm thay đổi về chất

d) Không làm thay đổi về chất

Chất và lượng:

a) Không có mối quan hệ với nhau

b) Chỉ có mối quan hệ giữa chất và lượng

c) Chỉ có mối quan hệ giữa lượng và chất

d) Có mối quan hệ biện chứng với nhau

Cái gì trực tiếp làm thay đổi chất của sự vật:

a) Sự tăng lên hay giảm đi về số lượng các yếu tố cấu thành sự vật

b) Sự tăng lên về quy mô tồn tại của sự vật

c) Sự biến đổi cấu trúc của sự vật

d) Không có ý kiến đúng

“Gò với núi cũng kể loài cao, bể với ao cũng kể loài thấp”. Quan điểm này thể hiện:

a) Mối quan hệ cái khẳng định và phủ định

b) Mối quan hệ giữa lượng và chất

c) Sự thống nhất giữa các mặt đối lập

d) Sự thống nhất giữa các mặt đối lập

Muốn làm thay đổi chất của sự vật cần phải:

a) Kiên trì tích lũy về lượng đến mức cần thiết

b) Tích lũy lượng tương ứng với chất cần thay đổi

c) Làm thay đổi cấu trúc của sự vật

d) Cả a, b, c.

Điều kiện để những thay đổi về lượng dẫn tới sự thay đổi về chất là:

a) Tới giới hạn điểm nút

b) Sự biến đổi cấu trúc của sự vật.

c) Sự biến đổi của lượng tương ứng với chất của sự vật.

d) Cả a,b,c.

Ý nghĩa nhận thức của quy luật “lượng- chất”:

a) Hiểu được phương thức cơ bản của sự vận động, phát triển.

b) Hiểu được động lực của sự phát triển.

c) Hiểu được hình thức có tính chu kỳ của sự phát triển.

d) Cả a,b,c.

Ý nghĩa thực tiễn của việc nghiên cứu quy luật “lượng- chất”:

a) Thực hiện cơ chế - cách thức của sự phát triển.

b) Tạo động lực của sự phát triển.

c) Thực hiện chu kỳ của sự phát triển.

d) Cả a,b,c.

Bài học có ý nghĩa phương pháp luận trong hoạt động thực tiễn khi tìm hiểu quy luật lượng - chất:

a) Ta phải từng bước tích lũy về lượng để làm biến đổi về chất theo quy luật.

b) Bằng hoạt động có ý thức nắm bắt được quy luật khách quan mà ta có thể rút ngắn quá trình tích tụ về lượng để đạt kết quả mong muốn; vận dụng linh hoạt các hình thức bước nhảy trong các tình huống lịch sử cụ thể.

c) Muốn duy trì một trạng thái hiện thực nào đó ta cần nắm bắt được giới hạn của độ, không để sự thay đổi của lượng vượt quá ngưỡng của độ.

d) Bao gồm cả ba đáp án trên

Câu 23. Phân tích nội dung quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập? Ý nghĩa phương pháp luận của quy luật?

Quy luật nào được V.I.Lênin xác định là hạt nhân vạch ra nguồn gốc, động lực của sự vận động và phát triển của phép biện chứng?

a) Quy luật phủ định của phủ định;

b) Quy luật chuyển hoá từ sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại;

c) Quy luật về mối liên hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

d) Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập

Mối quan hệ giữa đấu tranh và thống nhất của các mặt đối lập trong một mâu thuẫn:

a) Đấu tranh là tuyệt đối

b) Thống nhất là tuyệt đối

c) Đấu tranh là tương đối

d) Đấu tranh là tuyệt đối và thống nhất là tương đối

Xét trong mối liên hệ phổ biến, mỗi sự vật:

- a) Không có mâu thuẫn nào
- b) Có một mâu thuẫn
- c) Có mâu thuẫn bên trong và bên ngoài

d) Có thể có nhiều mâu thuẫn với những vai trò khác nhau của chúng

Theo nghĩa biện chứng, mâu thuẫn là:

- a) Những gì khác nhau nhưng có mối liên hệ với nhau
- b) Những gì trái ngược nhau

c) Những gì vừa đối lập nhau vừa là điều kiện tiền đề tồn tại của nhau

- d) Những gì có xu hướng thủ tiêu lẫn nhau

Cung và cầu có phải là hai mặt đối lập tạo thành mâu thuẫn biện chứng của thị trường hay không? Tại sao?

- a) Đúng. Vì
- b) Không đúng. Vì

Đáp án: a. Đúng. Vì cung và cầu vừa có xu hướng đối lập nhau vừa là điều kiện tồn tại của nhau.

Mâu thuẫn biện chứng là:

- a) Có hai mặt khác nhau.
- b) Có hai mặt trái ngược nhau.
- c) Có hai mặt đối lập nhau.

d) Sự thống nhất của các mặt đối lập.

Nguồn gốc và độc lực của sự phát triển là:

- a) Mâu thuẫn

b) Mâu thuẫn biện chứng

- c) Đấu tranh
- d) Thống nhất

Trong phép biện chứng khái niệm nào dùng để chỉ sự tác động qua lại theo xu hướng bài trừ và phủ định lẫn nhau giữa các mặt đối?

- a) Thống nhất của các mặt đối lập

b) Đấu tranh của các mặt đối lập

- c) Khái niệm mâu thuẫn
- d) Khái niệm xung đột

Thống nhất của hai mặt đối lập là:

- a) Quy định lẫn nhau.
- b) Tương đồng giữa các mặt đối lập.
- c) Tác dụng ngang bằng giữa các mặt đối lập.

d) Cả a,b,c.

Mặt đối lập là:

- a) Hai mặt khác nhau.
- b) Thuộc tính khác nhau.
- c) Vận động theo khuynh hướng khác nhau.

d) Cả a,b,c.

Khi nào khái niệm “đồng nhất”, “đồng chất” được hiểu như khái niệm “thống nhất”?

- a) Cùng một nguồn gốc “đồng chất” mà vẫn đối lập.
- b) Ràng buộc, quy định, làm tiền đề tồn tại cho nhau.
- c) Xuyên nhập vào nhau, cùng chuyển hóa.

d) Cả a,b,c.

Những đặc trưng cơ bản của hai mặt đối lập trong thể thống nhất:

- a) Tính chất khác nhau.
- b) Thuộc tính đối lập nhau.
- c) Vận động theo xu thế khác nhau.

d) Cả b và c.

Các mặt đối lập thể nào sẽ tạo thành một thể thống nhất (một mâu thuẫn).

- a) Các mặt đối lập quy định lẫn nhau.
- b) Tác động lẫn nhau.
- c) Chuyển hóa lẫn nhau.

d) Cả a,b,c.

Thể nào là đấu tranh của các mặt đối lập trong một thể thống nhất?

- a) Xung đột gay gắt nhau.
- b) Bài trừ, loại bỏ, gạt bỏ nhau giữa hai mặt đối lập.
- c) Phủ định nhau, dẫn đến chuyển hóa.

d) Cả b và c.

“Được mùa cau, đau mùa lúa”; “Kẻ ăn không hết người lần không ra”. Quan điểm này thuộc quy luật nào?

- a) Mâu thuẫn
- b) Lượng - chất
- c) Nhân - quả
- d) Không có đáp án nào đúng

Câu 24. Phân tích nội dung quy luật phủ định của phủ định? Ý nghĩa phương pháp luận của quy luật?

Quy luật nào chỉ ra khuynh hướng của sự phát triển của sự vật, hiện tượng của phép biện chứng?

a) Quy luật phủ định của phủ định;

- b) Quy luật chuyển hoá từ sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại;
- c) Quy luật về mối liên hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng
- d) Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập

Phủ định là:

- a) Thay thế sự vật này bằng sự vật khác.
- b) Thay thế các hình thái của cùng một sự vật.

c) Cả a và b.

- d) Không có phương án nào đúng.

Quá trình thay đổi các hình thái tồn tại của sự vật được gọi là:

a) Phủ định

- b) Phủ định biện chứng
- c) Sự thay thế
- d) Sự hủy diệt

Phủ định biện chứng là sự phủ định:

- a) Làm cho sự vật thay đổi hình thái.
- b) Làm xuất hiện sự vật mới.

c) Tạo ra điều kiện, tiền đề cho sự phát triển.

- d) Thủ tiêu sự vật cũ.

Phủ định biện chứng là sự phủ định có:

- a) Tính kế thừa.
- b) Tính tự thân.

c) Cả a và b.

d) Không có phương án đúng.

Thế nào là “phủ định của phủ định”:

a) Sự vật trải qua nhiều lần phủ định.

b) Tính chất “xoáy tròn ốc”.

c) Cả a và b.

d) Không có phương án đúng.

Bất cứ sự phủ định nào cũng tạo ra sự.... của sự vật.

a) Biến đổi

b) Phát triển

c) Nhân tố mới ở trình độ cao hơn

d) Kế thừa cho sự tiến bộ và phát triển

“Tính kế thừa” trong quá trình phát triển của sự vật là sự kế thừa:

a) Đối với toàn bộ sự vật cũ

b) Kế thừa nội dung, vượt qua hình thức cũ.

c) Mọi nhân tố hợp quy luật cho sự phát triển

d) Không có phương án đúng.

Quá trình thay đổi hình thái của sự vật đồng thời qua đó tạo ra các điều kiện phát triển được gọi là:

a) Phủ định

b) Phủ định biện chứng

c) Phát triển

d) Tiến hóa

Phủ định biện chứng có đặc trưng cơ bản nào?

a) Tính khách quan và tính mâu thuẫn

b) Tính mâu thuẫn và tính kế thừa

c) Tính kế thừa và tính phát triển

d) Tính khách quan và tính kế thừa

Phát triển chính là quá trình được thực hiện bởi:

a) Sự tích lũy dần về lượng từ trong sự vật cũ

b) Sự vận động của mâu thuẫn vốn có của sự vật

c) Sự phủ định biện chứng đối với sự vật cũ

d) Cả a, b, c.

Hình thức “xoáy tròn ốc” diễn đạt đặc trưng nào của sự phát triển?

a) Tính chu kỳ

b) Tính tiến bộ

c) Cả a và b

d) Không có phương án đúng

Theo quan điểm CNDVBC, trong nhận thức và hành động chúng ta phải luôn tôn trọng, ủng hộ cái mới vì:

a) Cái mới là cái vừa mới ra đời phù hợp với nhu cầu chủ quan của con người

ái mới là cái vừa mới ra đời phù hợp với nhu cầu chủ quan của con người

b) Cái mới là cái khác lạ

c) Cái mới vừa ra đời hợp quy luật nhưng còn non yếu, dễ lấn át

d) Cái mới đối lập với cái cũ

Bài học quan trọng nhất rút ra từ quy luật phủ định của phủ định là trong nhận thức và hành động, chúng ta cần tránh:

- a) Nôn nóng, chủ quan duy ý chí
- b) Bất chấp quy luật khách quan
- c) Phủ định sạch trơn quá khứ**
- d) Tư tưởng giáo điều

III. LÝ LUẬN NHẬN THỨC CỦA CNDV BIỆN CHỨNG

Câu 1) Lý luận nhận thức của Chủ nghĩa Mác dựa trên những nguyên tắc cơ bản nào? (Thêm những từ cần thiết vào chỗ chấm để được câu trả lời đúng)

Một là, thừa nhận...(A)... tồn tại khách quan ở ngoài con người, độc lập với cảm giác, tư duy và ý thức của con người.

Hai là, thừa nhận...(B)... thế giới của con người về nguyên tắc không có gì là không thể biết, chỉ có cái hiện nay con người chưa biết.

Ba là, nhận thức không phải là hành động...C...mà là một quá trình biện chứng, phức tạp, sáng tạo tích cực. Đi từ chưa biết đến biết, từ hiện tượng đến bản chất.

Bốn là, cơ sở chủ yếu và trực tiếp nhất của nhận thức là...D... Nhận thức là quá trình con người phản ánh một cách biện chứng, năng động sáng tạo thế giới khách quan trên cơ sở...E...lịch sử – xã hội.

Đáp án:

A. Thế giới vật chất.

B. Khả năng nhận thức được.

C. Thụ động

D. Thực tiễn

E. Thực tiễn

Câu 32. Trình bày nguồn gốc, bản chất của nhận thức?

Theo quan điểm của triết học Mác- Lênin, nguồn gốc (đối tượng) của nhận thức là gì?

a) Thế giới khách quan

b) Ý thức xã hội

c) Tồn tại xã hội

d) Hoạt động chính trị xã hội

Trường phái triết học nào chỉ thực tiễn là nguồn gốc cơ bản và trực tiếp nhất của nhận thức?

a) Chủ nghĩa duy tâm khách quan

b) Chủ nghĩa duy vật siêu hình

c) Chủ nghĩa duy vật biện chứng

Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

Đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về mục đích của nhận thức?

a) Nhận thức để thỏa mãn sự hiểu biết của con người.

b) Nhận thức vì ý chí thượng đế.

c) Nhận thức vì sự thực hiện quá trình phát triển của ý niệm tuyệt đối.

d) Nhận thức nhằm thực hiện nhu cầu thực tiễn.

Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, bản chất của nhận thức là:

a) Quá trình phản ánh tích cực sáng tạo thế giới vật chất khách quan bởi con người

- b) Quá trình phản ánh tinh thần của con người
- c) Quá trình phản ánh của ý niệm tuyệt đối
- d) Không có quan niệm nào đúng

Theo quan điểm Triết học Mác – Lênin, sự phản ánh thế giới khách quan vào đầu óc con người trong quá trình nhận thức là phải như thế nào?

- a) Phản ánh thụ động
- b) Phản ánh máy móc, nguyên xi
- c) Phản ánh năng động, tích cực, sáng tạo**
- d) Cả 3 phương án trên

Đâu là cơ sở của mối quan hệ giữa chủ thể nhận thức và khách thể nhận thức?

- a) Hoạt động thực tiễn**
- b) Hoạt động chính trị xã hội
- c) Hoạt động thực nghiệm khoa học
- d) Hoạt động nghệ thuật

Theo quan điểm của CNDVBC, luận điểm nào sau đây là sai?

- a) Nhận thức kinh nghiệm tự nó không chứng minh được tính tất yếu
- b) Nhận thức kinh nghiệm tự nó chứng minh được tính tất yếu**
- c) Lý luận không tự phát xuất hiện từ kinh nghiệm

Câu 33. Trình bày quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về thực tiễn và các đặc trưng cơ bản của thực tiễn?

Theo quan điểm của triết học Mác- Lênin, thực tiễn là gì?

- a) Thực tiễn là toàn bộ những hoạt động nhằm cải biến tự nhiên và xã hội.
- b) Thực tiễn là toàn bộ những hoạt động có ý thức của con người nhằm cải biến tự nhiên và xã hội.
- c) Thực tiễn là toàn bộ những hoạt động vật chất có ý thức của con người nhằm cải biến tự nhiên và xã hội.

d) Thực tiễn là toàn bộ những hoạt động vật chất, mang tính lịch sử -xã hội của con người nhằm cải biến tự nhiên và xã hội.

Hoạt động thực tiễn khác với hoạt động nhận thức vì:

- a) Hoạt động thực tiễn có mục đích.
- b) Hoạt động thực tiễn là hoạt động vật chất.**
- c) Hoạt động thực tiễn có tính chất lịch sử- xã hội.
- d) Không có phương án đúng.

Hình thức hoạt động thực tiễn cơ bản nhất quy định các hình thức hoạt động khác là hình thức nào sau đây?

- a) Hoạt động sản xuất vật chất**
- b) Hoạt động chính trị xã hội
- c) Hoạt động thực nghiệm khoa học
- d) Hoạt động nghệ thuật

Câu 34. Phân tích vai trò của thực tiễn đối với nhận thức?

Vai trò thực tiễn đối với nhận thức:

- a) Là cơ sở của nhận thức.
- b) Là mục đích, động lực của nhận thức.
- c) Là tiêu chuẩn để kiểm nghiệm tính chân lý của quá trình nhận thức.

d) Cả a, b, c.

Theo quan điểm của C. Mác, hạn chế lớn nhất của chủ nghĩa duy vật trước đây là gì?

- a) Tính trực quan máy móc.
- b) Không thấy tính năng động của ý thức, tinh thần của con người.

c) Không thấy được vai trò của thực tiễn.

- d) Không thấy vai trò của tư duy lý luận.

Trong hoạt động thực tiễn không coi trọng lý luận thì sẽ thế nào?

- a) Sẽ rơi vào chủ nghĩa kinh viện giáo điều

b) Sẽ rơi vào chủ nghĩa kinh nghiệm hẹp hòi.

- c) Sẽ rơi vào ảo tưởng.

Khẳng định nào sau đây là đúng?

- a) Chỉ có chủ nghĩa duy vật biện chứng mới thừa nhận nhận thức là sự phản ánh hiện thực khách quan vào bộ óc con người.

- b) Chỉ có chủ nghĩa duy vật biện chứng mới thừa nhận khả năng nhận thức thế giới của con người một cách đúng đắn.

- c) Mọi chủ nghĩa duy vật đều thừa nhận con người có khả năng nhận thức thế giới và coi nhận thức là sự phản ánh hiện thực khách quan vào bộ óc con người.

d) Cả b và c.

Tri thức nào nảy sinh một cách trực tiếp từ thực tiễn lao động sản xuất?

a) Tri thức kinh nghiệm

- b) Tri thức lý luận
- c) Tri thức lý luận khoa học
- d) Không có đáp án đúng

Câu 35. Phân tích các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức?

Luận điểm sau đây là của ai và thuộc trường phái triết học nào: "Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn, đó là con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý, nhận thức thực tại khách quan"

- a) Phoi-ơ-bắc; chủ nghĩa duy vật siêu hình.

b) V.I.Lênin; chủ nghĩa duy vật biện chứng.

- c) Hêghen; chủ nghĩa duy tâm khách quan.

- d) C.Mác; chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Trường phái triết học nào coi nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính là hai trình độ phát triển của nhận thức và có mối quan hệ biện chứng với nhau?

- a) Chủ nghĩa duy cảm.

- b) Chủ nghĩa duy lý.

c) Chủ nghĩa duy vật biện chứng.

- d) Chủ nghĩa duy tâm chủ quan.

Giai đoạn nhận thức diễn ra trên cơ sở sự tác động trực tiếp của sự vật lên các giác quan của con người là giai đoạn nhận thức nào?

- a) Nhận thức lý tính

b) Nhận thức cảm tính

- c) Nhận thức lý luận

- d) Nhận thức khoa học

Theo quan niệm của triết học Mác- Lênin thì nhận thức cảm tính bao gồm các hình thức nào?

- a) Nhận thức kinh nghiệm và nhận thức lý luận.

b) Kinh nghiệm, tình cảm, lý tính.

c) Cảm giác, tri giác, biểu tượng.

d) Cảm giác, tình cảm, tri giác.

Những hình thức nhận thức: khái niệm, phán đoán, suy luận thuộc giai đoạn nhận thức nào:

a) Nhận thức cảm tính

b) Nhận thức lý tính

c) Trục quan sinh động

d) Nhận thức kinh nghiệm

Hình thức nhận thức nào cần có sự tác động trực tiếp của vật vào cơ quan cảm giác của con người:

a) Cảm giác

b) Khái niệm

c) Suy luận

d) Phán đoán

Hình thức nhận thức nào không cần có sự tác động của vật vào cơ quan cảm giác của con người:

a) Cảm giác

b) Tri giác

c) Biểu tượng

d) Khái niệm

Hình thức nhận thức nào không thể phản ánh được bản chất ánh sáng?

a) Biểu tượng

b) Khái niệm

c) Phán đoán

d) Suy luận

Kết nối để được những khẳng định đúng?

a) Tri thức kinh nghiệm thông thường.

b) Tri thức kinh nghiệm khoa học.

c) Tri thức kinh nghiệm

d) Tri thức khoa học

1. Nảy sinh từ những quan sát hằng ngày trong cuộc sống và lao động sản xuất.

2. Nảy sinh một cách trực tiếp từ thực tiễn.

3. Rút ra từ những thí nghiệm khoa học.

4. Bao gồm cả tri thức kinh nghiệm và tri thức lý luận. Tổng kết những tri thức về tự nhiên và xã hội tích lũy lại trong quá trình lịch sử. Đem lại sự hiểu biết đầy đủ về sự vật.

Đáp án: a - 1, b - 3, c - 2, d - 4.

Con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng diễn ra như thế nào?

a) Đi từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng.

b) Đi từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn.

c) Cả a và b.

d) Không có đáp án đúng.

Điều khẳng định nào sau đây là đúng về mối quan hệ giữa lý luận và kinh nghiệm:

a) Lý luận được hình thành từ kinh nghiệm trên cơ sở kinh nghiệm.

- b) Kinh nghiệm nhiều tự phát dẫn đến sự ra đời của lý luận.
- c) Mọi lý luận đều được xuất phát từ kinh nghiệm.

Câu 36. Chân lý là gì? Trình bày các tính chất của chân lý?

Chân lý là:

- a) Sự thật mà ai cũng biết.
- b) Lẽ phải ai cũng thừa nhận.
- c) Tri thức phù hợp với logic suy luận.

d) Tri thức có nội dung chân thực và đã được thực tiễn kiểm nghiệm.

Điều khẳng định nào sau đây là đúng:

- a) Chủ nghĩa duy tâm chủ quan không thừa nhận chân lý khách quan.
- b) Chủ nghĩa duy tâm khách quan thừa nhận chân lý khách quan.

c) Chỉ có chủ nghĩa duy vật biện chứng mới thừa nhận chân lý khách quan.

- d) Thuyết không thể không thừa nhận chân lý khách quan.

Tiêu chuẩn của chân lý là do:

- a) Lợi ích con người quy định.
- b) Được nhiều người thừa nhận.
- c) Sự rõ ràng, minh bạch trong tư duy.

d) Không có đáp án đúng.

Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, tiêu chuẩn của chân lý là gì?

- a) Được nhiều người thừa nhận
- b) Đảm bảo không có mâu thuẫn trong suy luận

c) Thực tiễn

- d) Thuộc về kẻ mạnh

Theo C.Mác, con người phải chứng minh chân lý chính trong:

- a) Hoạt động lý luận.

b) Hoạt động thực tiễn.

- c) Thực tế.
- d) Hiện thực.

Theo C.Mác, vấn đề tìm hiểu xem tư duy của con người có thể đạt tới chân lý khách quan hay không, hoàn toàn không phải là vấn đề lý luận mà là vấn đề...

- a) Thực tế
- b) Hiện thực

c) Thực tiễn

- d) Khoa học

Theo quan điểm của triết học Mác-Lênin, tính cụ thể của chân lý là gì?

- a) Sự đúng đắn của chân lý là cụ thể
- b) Sự phản ánh chân thực về một đối tượng hiện thực khách quan cụ thể.

c) Là đặc tính gắn liền và phù hợp giữa nội dung phản ánh với một đối tượng nhất định cùng các điều kiện, hoàn cảnh lịch sử, cụ thể.

- d) Cả ba đáp án đều đúng

Ví dụ nào dưới đây là một chân lý?

a) Trái đất là một hành tinh.

- b) Mặt trời mọc ở hướng đông.
- c) Con vua thì lại làm vua, con sãi ở chùa lại quét lá đa.
- d) Chân lý thuộc về kẻ mạnh.

Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

- a) Chân lý có tính khách quan
- b) Chân lý có tính tương đối
- c) Chân lý có tính trừu tượng**
- d) Chân lý có tính cụ thể

Chương 3: Quy luật của phép biện chứng

Câu 1) Phép biện chứng nghiên cứu những quy luật cơ bản nào?

- a) Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập.
- b) Quy luật những thay đổi về lượng dẫn tới những thay đổi về chất và ngược lại.
- c) Quy luật phủ định của phủ định
- d) Cả a,b,c.**

Câu 2) Mâu thuẫn biện chứng là:

- a) Có hai mặt khác nhau.
- b) Có hai mặt trái ngược nhau.
- c) Có hai mặt đối lập nhau.
- d) Sự thống nhất của các mặt đối lập.**

Câu 3) Thống nhất của hai mặt đối lập là.

- a) Quy định lẫn nhau.

- b) Tượng đồng giữa các mặt đối lập.
- c) Tác dụng ngang bằng giữa các mặt đối lập.

d) Cả a,b,c.

Câu 4) Mặt đối lập là:

- a) Hai mặt khác nhau.
- b) Thuộc tính khác nhau
- c) Vận động theo khuynh hướng khác nhau.

d) Cả a,b,c.

Câu 5) Khi nào khái niệm “đồng nhất”, “đồng chất” được hiểu như khái niệm “thống nhất”

- a) Cùng một nguồn gốc “đồng chất” mà vẫn đối lập.
- b) Ràng buộc, quy định, làm tiền đề tồn tại cho nhau.
- c) Xâm nhập vào nhau, cùng chuyển hóa.

d) Cả a,b,c.

Câu 6) Những đặc trưng cơ bản của hai mặt đối lập trong thể thống nhất.

- a) Tính chất khác nhau.
- b) Thuộc tính đối lập nhau.
- c) Vận động theo xu thế khác nhau.

d) Cả b và c.

Câu 7) Các mặt đối lập thể nào sẽ tạo thành một thể thống nhất (một mâu thuẫn).

- a) Các mặt đối lập quy định lẫn nhau.
- b) Tác động lẫn nhau.
- c) Chuyển hóa lẫn nhau.

d) Cả a,b,c.

Câu 8) Thể nào là đấu tranh của các mặt đối lập trong một thể thống nhất?

a) Xung đột gay gắt nhau.

b) Bài trừ, loại bỏ, gạt bỏ nhau giữa hai mặt đối lập.

c) Phủ định nhau, dẫn đến chuyển hóa.

d) Cả a,b,c.

Câu 9) Những nhân tố nào thể hiện tượng của một sự vật?

a) Số lượng các yếu tố cấu thành.

b) Quy mô tồn tại.

c) Tốc độ vận động, phát triển.

d) Cả a,b,c.

Câu 10) Chất của sự vật được tạo nên từ...

a) Một thuộc tính.

b) Nhiều thuộc tính.

c) Thuộc tính cơ bản và không có bản.

d) Chỉ từ thuộc tính cơ bản.

Câu 11) Điều kiện để những thay đổi về lượng dẫn tới sự thay đổi về chất là:

a) Tới giới hạn điểm nút

b) Sự biến đổi cấu trúc của sự vật.

c) Sự biến đổi của lượng tương ứng với chất của sự vật.

d) Cả a,b,c.

Câu 12) Thể nào là độ của sự vật:

a) Trong một phạm vi, lượng chất thống nhất với nhau.

b) Trong một khoảng, lượng và chất thống nhất với nhau.

c) Duy trì mối quan hệ, lượng- chất thống nhất với nhau.

d) Trong một giới hạn, lượng- chất thống nhất nói lên sự vật là nó.

Câu 13) Thế nào là “bước nhảy”:

a) Sự đột biến.

b) Chuyển dần về chất.

c) Hoàn thiện chất.

d) Quá trình biến đổi về chất diễn ra tại điểm nút.

Câu 14) Ý nghĩa nhận thức của quy luật “lượng- chất”.

a) Hiểu được phương thức cơ bản của sự vận động, phát triển.

b) Hiểu được động lực của sự phát triển.

c) Hiểu được hình thức có tính chu kỳ của sự phát triển.

d) Cả a,b,c.

Câu 15) Ý nghĩa thực tiễn của việc nghiên cứu quy luật “lượng- chất”.

a) Thực hiện cơ chế - cách thức của SV phát triển.

b) Tạo động lực của sự phát triển.

c) Thực hiện chu kỳ của sự phát triển.

d) Cả a,b,c.

Câu 16) Phủ định biện chứng là sự phủ định:

a) Làm cho sự vật thay đổi hình thái.

b) Làm xuất hiện sự vật mới.

c) Tạo ra điều kiện, tiền đề cho sự phát triển.

d) Thủ tiêu sự vật cũ.

Câu 17) Phủ định là:

a) Thay thế sự vật này bằng sự vật khác.

b) Thay thế các hình thái của cùng một sự vật,

c) **Cả a và b.**

d) Không có phương án nào đúng.

Câu 18) Phủ định biện chứng là sự phủ định có:

a) Tính kế thừa.

b) Tính tự thân.

c) **Cả a và b.**

d) Không có phương án đúng.

Câu 19) Thế nào là "phủ định của phủ định":

a) Sự vật trải qua nhiều lần phủ định.

b) Tính chất "xoáy tròn ốc".

c) **Cả a và b.**

d) Không có phương án đúng.

Câu 20) Bất cứ sự phủ định nào cũng tạo ra sự... của sự vật.

a) **Biến đổi.**

b) Phát triển.

c) Nhân tố mới ở trình độ cao hơn

d) Kế thừa cho sự tiến bộ và phát triển

Câu 21) "Tính kế thừa" trong quá trình phát triển của sự vật là sự kế thừa:

a) Đối với toàn bộ sự vật cũ

b) Kế thừa nội dung, vượt qua hình thức cũ.

c) **Mọi nhân tố hợp quy luật cho sự phát triển**

d) Không có phương án đúng.

Câu 22) Khái niệm nào dùng để chỉ tính quy định khách quan vốn có của các sự vật, là sự thống nhất hữu cơ giữa các thuộc tính làm cho sự vật là nó:

a) **Chất**

b) Lượng

c) Độ

d) Điểm nút.

Câu 23) Mỗi sự vật trong điều kiện xác định:

a) Chỉ có một thuộc tính

b) Có một số thuộc tính

c) Có vô vàn thuộc tính

d) **Có một số thuộc tính xác định**

Câu 24) Xét trong mối liên hệ phổ biến và sự vận động, phát triển, mỗi sự vật:

a) Chỉ có một loại lượng và một loại chất

b) Có một loại lượng và nhiều loại chất

c) Có nhiều loại lượng và một loại chất

d) **Có nhiều loại lượng và nhiều loại chất**

Câu 25) Chất của sự vật được tạo nên từ:

a) Các thuộc tính cơ bản của sự vật

b) Thuộc tính không cơ bản của sự vật

c) **Cả a và b**

d) Thuộc tính bản chất của sự vật.

Câu 26) Khái niệm nào dùng để chỉ tính quy định tồn có giao di vật, hiện tượng về mặt số lượng các yếu tố cấu thành, quy mô tồn tại của sự vật và tốc độ, nhịp điệu của sự vận động, phát triển của sự vật:

a) Chất

b) Lượng

c) Độ

d) Điểm nút

Câu 27) Khái niệm nào dùng để chỉ khoảng giới hạn trong đó sự thay đổi về lượng công làm thay đổi căn bản chất của sự vật ấy?

a) Chất

b) Lượng

c) Độ

d) Điểm nút

Câu 28) Khái niệm nào dùng để chỉ thời điểm mà tại đó sự thay đổi về lượng đã đi là thay đổi căn bản chất của sự vật:

a) Chất

b) Lượng

c) Độ

d) Điểm nút

Câu 29) Khái niệm nào dùng chỉ chỉ sự chuyển hóa về chất do sự biến đổi trước đó và lượng tới giới hạn điểm nút.

a) Chất

b) Lượng

c) Điểm nút

d) Bước nhảy

Câu 30) Có phải mọi thay đổi về lượng đều:

a) Có khả năng dẫn đến thay đổi về chất

b) Ngay lập tức làm thay đổi về chất

c) Không thể ngay lập tức làm thay đổi về chất

d) Không làm thay đổi về chất

Câu 31) Chất và lượng:

a) Không có mối quan hệ với nhau

b) Chỉ có mối quan hệ giữa chất và lượng

c) Chỉ có mối quan hệ giữa lượng và chất

d) Có mối quan hệ hiện chưa giải nhan

Câu 32) Cái gì trực tiếp làm thay đổi chất của sự vật:

a) Sự tăng lên hay giảm đi về số lượng các yếu tố cấu thành sự vật

b) Sự tăng lên về quy mô tồn tại của sự vật

c) Sự biến đổi cấu trúc của sự vật.

d) Không có ý kiến đúng.

Câu 33) Muốn làm thay đổi chất của sự vật cần phải

a) Kiểm trì tích lũy về lượng đến mức cần thiết

b) Tích lũy lượng tương ứng với chất cần thay đổi

c) Làm thay đổi cấu trúc của sự vật

d) Cả a, b, c.

Câu 34) Quy định nào được VILLênin xác định là hạt nhân của phép biện chứng?

a) Quy luật lượng – chất

b) Quy luật mâu thuẫn

c) Quy luật phủ định của phủ định

d) Không có đáp án đúng

Câu 35) Theo nghĩa biện chứng, mâu thuẫn là:

a) Những gì khác nhau nhưng có mối liên hệ với nhau

b) Những gì trái ngược nhau

c) Những gì vừa đối lập nhau vừa là điều kiện tiên đề tồn tại của nhau

d) Những gì có xu hướng thủ tiêu lẫn nhau

Câu 36) Cung và cầu có phải là hai mặt đối lập tạo thành mâu thuẫn biện chứng của thị trường hay không ? Tại sao?

a) Đúng. Vì...

c) Không đúng. Vì...

Đáp án: a. Đúng. Vì cung và cầu vừa có xu hướng đối lập nhau vừa là điều kiện tồn tại của nhau.

Câu 37) Trong phép biện chứng khái niệm nào dùng để chỉ sự tác động qua lại theo xu hướng bài trừ và phủ định lẫn nhau giữa các mặt đó?

a) Thống nhất của các mặt đối lập

b) Đấu tranh của các mặt đối lập

c) Khái niệm mâu thuẫn

d) Khái niệm xung đột

Câu 38) Nguồn gốc và động lực của sự phát triển là:

a) Mâu thuẫn

b) Mâu thuẫn biện chứng

c) Đấu tranh

d) Thống nhất

Câu 39) Mối quan hệ giữa đấu tranh và thống nhất của các mặt đối lập trong một mâu thuẫn:

a) Đấu tranh là tuyệt đối

b) Thống nhất là tuyệt đối

c) Đấu tranh là tương đối

d) Đấu tranh là tuyệt đối và thống nhất là tương đối

Câu 40) Xét trong mối liên hệ phổ biến, mỗi sự vật:

a) Không có mâu thuẫn nào

b) Có một mâu thuẫn

c) Có mâu thuẫn bên trong và bên ngoài

d) Có thể có nhiều mâu thuẫn với những vai trò khác nhau của chúng

Câu 41) Quá trình thay đổi các hình thái tồn tại của sự vật được gọi là:

a) Phủ định,

b) Phủ định biện chứng.

c) Sự thay thế

d) Sự hủy diệt

Câu 42) Quá trình thay đổi hình thái của sự vật đồng thời qua đó tạo ra các điều kiện phát triển được gọi là:

a) Phủ định.

b) Phủ định hiệu chứng.

c) Phát triển

d) Tiến hóa

Câu 43) Phủ định biện chứng có đặc trưng cơ bản nào?

a) Tính khách quan và tính mâu thuẫn

b) Tính mâu thuẫn và tính kế thừa

c) Tính kế thừa và tính phát triển

d) Tính khách quan và tính kế thừa

Câu 44) Phát triển chính là quá trình được thực hiện bởi:

- a) Sự tích lũy dần về lượng từ trong sự vật cũ*
- b) Sự vận động của mâu thuẫn vốn có của sự vật*
- c) Sự phủ định biện chứng đối với sự vật cũ*
- d) Cả a, b, c.*

Câu 45) Hình thức “xoáy tròn ốc” diễn đạt đặc trưng nào của sự phát triển?

- a) Tính chu kỳ*
- b) Tính tiến bộ ngược Tai sản*
- c) Cả a và b*
- d) Không có phương án đúng*

Câu 46) Quy luật nào vạch ra phương thức của sự vận động, phát triển?

- a) Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập*
- b) Quy luật chuyển hoá từ sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại.*
- c) Quy luật phủ định của phủ định*
- d) Quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng xuất,*

Câu 47) Quy luật nào vạch ra nguồn gốc, động lực của sự vận động và phát triển

- a) Quy luật phủ định của phủ định;*
- b) Quy luật chuyển hoá từ sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại, c) Quy luật về mối liên hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng.*

d) Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập

Câu 48) Điền vào chỗ trống cụm từ sao cho phù hợp: "Lượng là một phạm trù triết học dùng để chỉ... vốn có của sự vật về mặt số lượng, qui mô, trình độ, nhịp điệu của sự vận động và phát triển cũng như các thuộc tính của sự vật"

a) Thuộc tính.

b) Tính qui định khách quan.

c) Mối quan hệ.

d) Tên gọi.

Câu 49) Bài học có ý nghĩa phương pháp luận trong hoạt động thực tiễn khi tìm hiểu quy

a) Ta phải từng bước tích lũy về lượng để làm biến đổi về chất theo quy luật vật lượng - chất;

b) Bằng hoạt động có ý thức nắm bắt được quy luật khách quan mà ta co giãn quá trình tích tụ về lượng để đạt kết quả mong muốn; vận dụng linh hoạt các hình thức bước nhảy trong các tình huống lịch sử cụ thể.

c) Muốn duy trì một trạng thái hiện thực nào đó ta cần nắm bắt được giới hạn của độ, không để sự thay đổi của lượng vượt quá ngưỡng của độ.

d) Bao gồm cả ba đáp án trên